

Số: **73** /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **31** tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý các hoạt động của các tổ chức
phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/03/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/03/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BNG ngày 12/11/2012 của Bộ Ngoại giao về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/03/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 1624/TTr-SNgV ngày 15/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;
- Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao;
- Cục Ngoại vụ - Bộ Ngoại giao;
- Cục Quản lý XNC - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp, Sở Ngoại vụ;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, ĐT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái

QUY ĐỊNH

Về quản lý các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và việc sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 73 /2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; công tác vận động, đàm phán, ký kết, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ Phi chính phủ nước ngoài (sau đây viết tắt là PCPNN) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng viện trợ (gọi tắt là Bên tài trợ)

Bên tài trợ trong Quy định này bao gồm các tổ chức PCPNN, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân hoặc các hình thức tổ chức xã hội phi lợi nhuận khác được thành lập theo luật pháp nước ngoài; các tổ chức và cá nhân người nước ngoài khác; kể cả các tập đoàn, công ty có vốn nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam; có thiện chí, cung cấp trực tiếp viện trợ không hoàn lại nhằm hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Đối tượng tiếp nhận viện trợ (gọi tắt là Bên tiếp nhận)

Bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức trực thuộc UBND tỉnh, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN tiếp nhận gồm:

- Các cơ quan, tổ chức Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh hoặc có các khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức ở địa phương tương ứng với các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điểm b, c, d, đ, Khoản 4, Điều 1 của Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tổ chức PCPNN” là các tổ chức nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1 của Quy định này.

2. “Cam kết dài hạn” là sự cam kết tài trợ hoặc hoạt động với thời gian từ 05 (năm) năm trở lên.

3. “Chương trình” là một tập hợp các hoạt động, các dự án có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, có thời hạn thực hiện trung hoặc dài hạn hoặc theo nhiều giai đoạn; nguồn lực để thực hiện có thể được huy động từ nhiều nguồn ở những thời điểm khác nhau, với nhiều phương thức khác nhau.

4. “Dự án” là một tập hợp các hoạt động liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một thời hạn nhất định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm dự án đầu tư và dự án hỗ trợ kỹ thuật.

5. “Dự án đầu tư” là dự án tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoản thời gian xác định.

6. “Dự án hỗ trợ kỹ thuật” là dự án có mục tiêu hỗ trợ phát triển năng lực và thể chế hoặc cung cấp các yếu tố đầu vào kỹ thuật để chuẩn bị và thực hiện các chương trình, dự án thông qua các hoạt động cung cấp chuyên gia, đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát và hội thảo.

7. “Văn kiện chương trình, dự án” là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa đại diện của Bên tiếp nhận và đại diện của Bên tài trợ về một chương trình hoặc một dự án cụ thể, trong đó đã xác định rõ: Mục tiêu, các hoạt động, các kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời hạn và kế hoạch thực hiện, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan.

8. “Viện trợ phi dự án” là các khoản viện trợ không phải là chương trình, dự án, được cung cấp dưới dạng hiện vật, tiền hoặc chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện).

9. “Cứu trợ khẩn cấp” là các khoản viện trợ thuộc viện trợ phi dự án được thực hiện khẩn trương ngay sau khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp (thiên tai hoặc tai họa khác) và kéo dài tối đa là 3 tháng sau khi các trường hợp khẩn cấp chấm dứt. Sau thời hạn trên, nếu khoản cứu trợ này vẫn được tiếp tục thì được coi là viện trợ khắc phục hậu quả sau khẩn cấp và được phê duyệt, thực hiện theo quy trình và thủ tục quy định thông thường đối với khoản viện trợ PCPNN.

10. “Khoản viện trợ PCPNN” là chương trình, dự án và viện trợ phi dự án (kể cả cứu trợ khẩn cấp).

11. “Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN”: UBND tỉnh Đồng Nai là cấp có thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ tại địa phương.

12. “Cơ quan chủ quản” là UBND tỉnh Đồng Nai hoặc cơ quan quản lý trực tiếp các đơn vị tiếp nhận viện trợ.

13. “Chủ khoản viện trợ PCPNN” là các cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ PCPNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

14. “Văn bản ghi nhớ về viện trợ PCPNN” là văn bản ghi nhận ý nguyện ban đầu (không ràng buộc về pháp lý) về các khoản viện trợ PCPNN giữa đại diện Bên tiếp nhận và Bên tài trợ để làm cơ sở tiến hành các thủ tục phê duyệt và tiếp nhận viện trợ tiếp theo.

15. “Thỏa thuận viện trợ PCPNN” là văn bản quy định các điều khoản chung, các yêu cầu, điều kiện cụ thể ràng buộc về pháp lý đối với các bên liên quan đến dự án. Văn bản này, trong một số trường hợp, Bên tài trợ yêu cầu ký chính thức với Bên tiếp nhận thay cho việc ký văn kiện chương trình, dự án.

16. “Giấy đăng ký” là văn bản xác nhận tổ chức PCPNN đã đăng ký hoạt động theo quy định, được thể hiện dưới 03 hình thức là: Giấy Đăng ký Hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện.

17. “Văn phòng đại diện” là cơ quan đại diện chính thức của tổ chức PCPNN tại Việt Nam.

18. “Văn phòng dự án” là văn phòng độc lập hoặc bộ phận của Văn phòng đại diện, được đặt tại một địa phương để giám sát, triển khai các dự án do tổ chức PCPNN tài trợ ở địa phương đó hoặc trong khu vực. Văn phòng dự án không còn khi kết thúc dự án.

19. “Vốn đối ứng” là khoản đóng góp của phía Việt Nam bằng giá trị các nguồn lực (tiền, hiện vật, nhân lực) để chuẩn bị và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN theo từng yêu cầu cụ thể, bao gồm:

a) Vốn đối ứng cho chương trình, dự án: Tùy theo từng chương trình, dự án, vốn đối ứng có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số thành phần dưới đây:

- Vốn chuẩn bị cho việc lập chương trình, dự án viện trợ PCPNN;
- Vốn chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN.

b) Vốn đối ứng cho các khoản viện trợ phi dự án: Tùy theo từng khoản viện trợ phi dự án, vốn đối ứng có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số thành phần dưới đây:

- Vốn tiếp nhận thiết bị và vận chuyển nội địa;
- Vốn tổ chức đấu thầu, đấu giá.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động, vận động, sử dụng viện trợ PCPNN

1. UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất quản lý hoạt động, vận động, sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia.

2. Bảo đảm hoạt động của các Tổ chức PCPNN phù hợp với lợi ích quốc gia về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và chính sách đại đoàn kết dân tộc, không xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc; không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên.

3. Chủ động định hướng, đề ra kế hoạch để tranh thủ nguồn viện trợ PCPNN trong từng thời kỳ, từng khu vực gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại của địa phương.

4. Các khoản kêu gọi viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, trường hợp cần thiết thì phải được các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây

ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động, vận động, sử dụng viện trợ của các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nội dung viện trợ PCPNN

Viện trợ PCPNN là viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên tài trợ dưới hình thức tiền, hiện vật, tri thức và các hình thức khác để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo dành cho tỉnh nói riêng.

Điều 5. Các phương thức cung cấp viện trợ PCPNN

1. Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.
2. Viện trợ phi dự án.

Điều 6. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng nguồn vốn viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

1. Viện trợ PCPNN được sử dụng hỗ trợ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo của tỉnh trong từng thời kỳ, chủ yếu bao gồm:

a) Lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội: Nuôi dưỡng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi, hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ; trợ giúp người khuyết tật; ngăn ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật và hòa nhập cộng đồng...

b) Phát triển hạ tầng kinh tế và xã hội cho các vùng còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, dân số.

d) Bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh và cứu trợ khẩn cấp.

đ) Tăng cường năng lực thể chế, quản lý, kỹ thuật, nghiên cứu, triển khai và phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ.

2. Các lĩnh vực khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

Chương II QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PCPNN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 7. Cơ quan chủ trì quản lý các tổ chức PCPNN

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước đối với mọi hoạt động của các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh; có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh và phân công một Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách điều phối chung công tác quản lý PCPNN giữa các sở, ban, ngành, đơn vị của địa phương.

2. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh trong quan hệ và quản lý Nhà nước về hoạt động của các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Các cơ quan, đơn vị phối hợp quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có tổ chức PCPNN hoạt động.

Chương III

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Cơ quan chủ trì vận động viện trợ PCPNN

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong việc phát triển quan hệ và vận động viện trợ PCPNN.

Điều 9. Vận động viện trợ PCPNN

1. Hàng năm trước 30/9, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng danh mục, định hướng vận động nguồn vận động nguồn PCPNN phù hợp với chủ trương phát triển ngành, địa phương.

2. Trước 30/10 hàng năm, các cơ quan, địa phương căn cứ vào danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ PCPNN của UBND tỉnh, xác định và lập các dự án vận động nguồn viện trợ PCPNN của đơn vị, gửi về Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tổng hợp danh mục dự án vận động vốn viện trợ PCPNN từ các đơn vị, chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các ban, ngành liên quan thống nhất trình UBND tỉnh quyết định ban hành danh mục các dự án vận động viện trợ PCPNN của tỉnh trước ngày 15/11 hàng năm.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp xúc và vận động các tổ chức PCPNN trên cơ sở danh mục dự án vận động viện trợ PCPNN đã được UBND tỉnh phê duyệt.

5. Đối với các hoạt động vận động cứu trợ khẩn cấp, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Công an tỉnh và địa phương có thiên tai căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh để kêu gọi viện trợ khẩn cấp.

6. UBND tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ động tham gia vận động, đàm phán viện trợ PCPNN đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ hàng năm và năng lực của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ.

b) Đối với các dự án ngoài danh mục ưu tiên, cơ quan vận động viện trợ phải báo cáo UBND tỉnh (thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị) xem xét, quyết định về nhà tài trợ, dự kiến, mục đích, nội dung chủ yếu của chương trình, dự án dự định kêu gọi, vận động, đàm phán; trường hợp có nhiều cơ quan, tổ chức dự kiến vận động cùng một dự án, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tham mưu UBND tỉnh xác định cơ quan chủ trì đầu mối xây dựng dự án và kêu gọi vận động viện trợ.

Điều 10. Đàm phán, ký kết khoản viện trợ PCPNN

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với đơn vị vận động viện trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đàm phán các khoản viện trợ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc đàm phán, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh có văn bản báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Ngoại vụ

kết quả đàm phán và xin chủ trương ký kết thỏa thuận viện trợ (nếu đàm phán thành công).

Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc thỏa thuận tiếp nhận viện trợ PCPNN chỉ được tiến hành sau khi được UBND tỉnh đồng ý.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn chủ khoản viện trợ, các tổ chức PCPNN về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục ký kết các thỏa thuận viện trợ PCPNN.

Chương IV

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PCPNN

Điều 11. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án

1. Chủ khoản viện trợ PCPNN chịu trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch, xây dựng chương trình, dự án, danh sách viện trợ phi dự án căn cứ trên cơ sở nhu cầu của đơn vị, địa phương và các yêu cầu của bên tài trợ trong từng giai đoạn.

b) Gửi văn kiện chương trình, dự án, danh sách viện trợ phi dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chương trình, dự án hoặc viện trợ phi dự án trên cơ sở đề nghị của chủ khoản viện trợ PCPNN trong từng giai đoạn và thông tin của nhà tài trợ.

3. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án

a) Văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Bối cảnh và sự cần thiết của chương trình, dự án trong khuôn khổ quy hoạch, kế hoạch dài hạn phát triển của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương), đặc biệt nêu rõ những vấn đề mà chương trình, dự án sẽ hỗ trợ để giải quyết.

- Mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn của chương trình, dự án.

- Những kết quả chủ yếu của chương trình, dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

- Nội dung chính của các dự án thành phần hoặc các cấu phần (nếu có) trong chương trình và những hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án.

- Thời gian thực hiện chương trình, dự án và địa bàn triển khai hoạt động.

- Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ. Nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện chương trình, dự án.

- Tổng giá trị tài trợ, cơ cấu vốn tài trợ theo các hạng mục chủ yếu (chuyên gia trong và ngoài nước, đào tạo trong và ngoài nước, trang thiết bị và vật tư mua trong nước và nhập khẩu, kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong chương trình, dự án (nếu có), chi phí quản lý và các chi phí khác).

- Vốn đối ứng và nguồn đảm bảo.
- Năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện chương trình, dự án của chủ khoản viện trợ (chủ chương trình, dự án) và chủ các dự án thành phần trong chương trình.
- Phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện chương trình, dự án.
- Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án và kế hoạch chi tiết thực hiện trong năm đầu tiên, bao gồm bố trí vốn cho từng hoạt động theo những tiêu chí đã xác định.
- Kế hoạch theo dõi, đánh giá và kiểm toán chương trình, dự án (bằng nguồn vốn chương trình, dự án hoặc nguồn khác nếu có).
- Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

b) Đối với văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ PCPNN phải được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình, bổ sung thêm lý do sử dụng vốn viện trợ PCPNN.

c) Hồ sơ khoản viện trợ phi dự án phải bao gồm các văn bản chủ yếu sau:

- Văn bản đề nghị trình phê duyệt của: cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; của cơ quan chủ quản hoặc chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, trong đó có nêu các nội dung chủ yếu sau:

- + Trị giá của khoản viện trợ phi dự án;
- + Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với định hướng, kế hoạch dài hạn phát triển, nhu cầu cụ thể của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN;
- + Phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện;
- + Khả năng đóng góp của phía Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi dự án.

- Văn bản của Bên tài trợ thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ phi dự án đó. Đối với khoản hàng hóa đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới.

- Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ; nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận.

Điều 12. Vốn chuẩn bị các chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ PCPNN lập kế hoạch vốn chuẩn bị chương trình, dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ và Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh lập kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách của tỉnh.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước thì chủ khoản viện trợ PCPNN tự cân đối và bố

trí vốn chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án thống nhất với các quy định hiện hành.

3. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ PCPNN.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

1. Các khoản viện trợ PCPNN không kể quy mô nguồn vốn trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

2. Các khoản hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) thuộc danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Các khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể.

4. Các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận là các tổ chức do UBND tỉnh hoặc cơ quan của UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh.

Điều 14. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Sở Kế hoạch và đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Các đơn vị tham gia thẩm định khoản viện trợ PCPNN gồm: Sở Ngoại vụ, Sở Tài Chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tùy thuộc vào việc liên quan đến khoản viện trợ PCPNN đó.

Điều 15. Hồ sơ thẩm định

1. Đối với văn kiện chương trình, dự án PCPNN

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Cơ quan chủ quản hoặc Chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp Cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ PCPNN.

b) Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. Về hàng hóa viện trợ đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới.

c) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này).

Trường hợp dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ PCPNN thì nội dung dự án phải được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình, bổ sung thêm lý do sử dụng vốn viện trợ PCPNN.

d) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của bên tài trợ. Các bản sao cần được chứng thực để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

2. Đối với khoản viện trợ phi dự án, hồ sơ bao gồm các văn bản sau đây:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của cơ quan chủ quản viện trợ có thể hiện các nội dung chủ yếu:

- Trị giá của khoản viện trợ phi dự án.
- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với định hướng, kế hoạch dài hạn phát triển, nhu cầu cụ thể của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN.
- Phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện.
- Khả năng đóng góp của phía Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi dự án.

b) Văn bản của Bên tài trợ thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ phi dự án đó. Đối với khoản hàng hóa đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới.

c) Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ; nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận.

3. Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện đã qua sử dụng thì ngoài các văn bản đã quy định trên, cần có các văn bản sau:

- a) Bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên tài trợ.
- b) Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên tài trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- c) Văn bản giám định phương tiện vận tải còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới do tổ chức giám định có thẩm quyền của nước Bên tài trợ xác nhận.

4. Hồ sơ các khoản viện trợ PCPNN gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm 08 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ tài liệu gốc. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, nếu hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu nói trên thì nhận hồ sơ để tổ chức thẩm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì bộ phận tiếp nhận hồ sơ chưa nhận hồ sơ mà có trách nhiệm hướng dẫn để chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh hồ sơ.

Điều 16. Trình tự và thời hạn thẩm định khoản viện trợ PCPNN

1. Tổ chức thẩm định

a) Sau khi nhận đủ số bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới thành viên tổ thẩm định dự án.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, các đơn vị nghiên cứu nội dung hồ sơ có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian quy định mà đơn vị chưa có ý kiến xem như thống nhất, quá trình thực hiện có phát sinh vấn đề liên quan thì đơn vị đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp ý kiến các đơn vị chưa có sự thống nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp mời các đơn

vị liên quan thống nhất nội dung báo cáo UBND tỉnh. Thời gian tổ chức họp sau thời điểm lấy ý kiến tối đa là 10 ngày làm việc.

2. Phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

3. Thông báo kết quả phê duyệt

Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi khoản viện trợ được phê duyệt, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện, chương trình dự án, thoả thuận viện trợ PCPNN cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Chủ khoản viện trợ và các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Đối với khoản viện trợ nhằm xử lý các tình huống khẩn cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết theo hướng rút gọn hồ sơ và thời gian tùy từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong các trường hợp sau:

a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trước đây đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không làm cho chương trình, dự án trở thành một trong các trường hợp thuộc quyền xem xét phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ PCPNN, gồm có:

a) Đơn điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

b) Báo cáo tình hình thực hiện dự án từ khi được phê duyệt đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

c) Ý kiến bằng văn bản hoặc thoả thuận bổ sung của đơn vị sử dụng viện trợ.

d) Các tài liệu khác có liên quan.

đ) Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được lập thành 08 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ tài liệu gốc.

3. Việc tổ chức thẩm định, trình duyệt thực hiện tương tự như quy định tại Điều 16 Quy định này.

Điều 18. Quản lý, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN

Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và triển khai các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn, báo cáo UBND tỉnh và đề xuất hướng xử lý, giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan, phát sinh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ theo đúng thẩm quyền.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PCPNN

Điều 19. Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai

1. Có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các vấn đề liên quan đến công tác quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN và việc sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.
2. Tham mưu UBND tỉnh trong công tác giao nhiệm vụ các sở, ban, ngành, cơ quan cho đúng và phù hợp với từng chức năng, quyền hạn của đơn vị đó.

Điều 20. Sở Ngoại vụ

1. Là cơ quan đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND về quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức PCPNN; đề xuất ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động/Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án/Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức PCPNN hoạt động trên địa bàn tỉnh với Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN.
2. Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các tổ chức PCPNN và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác quản lý Nhà nước về hoạt động của các Tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh.
3. Chủ trì soạn thảo, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước về công tác PCPNN, công tác viện trợ PCPNN.
5. Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cá nhân, tổ chức PCPNN các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.
6. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.
7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức PCPNN theo quy định tại Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11/3/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Ngoại giao.
8. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 21. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thẩm định các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.
2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tham mưu UBND tỉnh có ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 22. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ PCPNN, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng định hướng thu hút, vận động nguồn vốn viện trợ PCPNN và hướng dẫn xây dựng các dự án cần kêu gọi viện trợ PCPNN, chương trình xúc tiến vận động viện trợ PCPNN hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Nghiên cứu, tập hợp tư liệu về các tổ chức PCPNN có hoạt động trên địa bàn tỉnh và các tổ chức PCPNN có khả năng viện trợ để phối hợp với các cơ quan liên quan, đề xuất UBND tỉnh có chủ trương chỉ đạo, tiến hành việc tiếp xúc, vận động viện trợ.

3. Tiến hành tiếp xúc, vận động viện trợ PCPNN trên cơ sở các danh mục dự án, chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành kêu gọi cứu trợ khẩn cấp của các tổ chức PCPNN khi gặp thiên tai và trong các trường hợp khẩn thiết theo chủ trương của UBND tỉnh.

5. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 23. Sở Tài chính

1. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Hạch toán thu, chi ngân sách đối với các khoản viện trợ PCPNN theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ lập dự toán, tổng hợp dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước về viện trợ PCPNN.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh.

d) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 24. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý, và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các Tổ chức PCPNN, các chương trình, dự án do các Tổ chức PCPNN tài trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

2. Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các Tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 25. Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, lưu trú của cá nhân, tổ chức nước ngoài đến thực hiện dự án, chương trình do tổ chức PCPNN viện trợ theo quy định.

2. Tham gia thẩm định về mặt an ninh đối với hoạt động và các chương trình, dự án viện trợ của các tổ chức PCPNN.

3. Hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đúng các quy định của nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế và bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

5. Phối hợp Sở Ngoại vụ kiến nghị UBND tỉnh, Ủy ban công tác về các Tổ chức PCPNN, Bộ Ngoại giao xử lý đối với các cá nhân, Tổ chức PCPNN, các đối tác trong nước của các Tổ chức PCPNN có hoạt động vi phạm pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 26. Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh những vấn đề liên quan đến tôn giáo trong hoạt động PCPNN.

2. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN có liên quan đến các tổ chức tôn giáo hay có yếu tố tôn giáo.

3. Hướng dẫn và hỗ trợ các Tổ chức PCPNN trong quá trình triển khai dự án và các đơn vị tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN thực hiện đúng đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước XNCN Việt Nam.

4. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các dự án viện trợ PCPNN liên quan đến tôn giáo.

5. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện xuất sắc nhiệm vụ quản lý hoạt động PCPNN và viện trợ PCPNN.

6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh giao.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Thực hiện và chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, của tỉnh về việc mời đoàn vào, tiếp xúc, làm

việc với các đoàn khách thuộc các tổ chức PCPNN; kịp thời báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền để xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với các tổ chức PCPNN.

2. Báo cáo UBND tỉnh, thông báo cho Sở Ngoại vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi tiếp nhận những khoản viện trợ PCPNN được phân bổ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và kết quả thực hiện.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức PCPNN trong quá trình xây dựng dự án, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động viện trợ PCPNN của cơ quan, đơn vị.

Đối với các hoạt động viện trợ PCPNN được thực hiện thông qua các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp và các hội khi tiếp nhận viện trợ phải phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện có các hoạt động viện trợ được triển khai (từ khâu lập kế hoạch đến theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện viện trợ).

4. Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi vận động viện trợ PCPNN gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

5. Các cơ quan, đơn vị khi có phát sinh hoạt động liên quan đến viện trợ PCPNN giao cho bộ phận chuyên môn có năng lực để quản lý, sử dụng. Văn bản thông báo về việc cử bộ phận đầu mối phải được gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

6. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư) về hoạt động viện trợ PCPNN theo quy định.

7. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn, tài sản của bên tài trợ theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Chế độ thông tin báo cáo

1. Chủ khoản viện trợ, chủ dự án hoặc Ban Quản lý chương trình, dự án viện trợ PCPNN (nếu có) có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 01/7) theo Phụ lục 6a và báo cáo năm (trước ngày 10/01 của năm tiếp sau) theo Phụ lục 6b gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo kết quả phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh định kỳ 6 tháng (trước ngày 5/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 31/01 của năm tiếp sau) theo Phụ lục 8 gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp dự thảo báo cáo chung về công tác PCPNN trình UBND tỉnh thông qua gửi các Bộ ngành Trung ương liên quan.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Ngoại vụ, sở Kế hoạch và đầu tư) tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ PCPNN hàng năm (theo Phụ lục 10) trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp sau.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị có trách nhiệm báo cáo kết quả tình hình vận động, thu hút viện trợ PCPNN 6 tháng (trước ngày 01/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/01 của năm tiếp sau) theo Phụ lục 9 gửi về UBND tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp báo cáo Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo tình hình cấp phép, quản lý lao động cho người nước ngoài làm việc tại các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh định kỳ 06 tháng (trước ngày 01/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/01 của năm tiếp sau) gửi về UBND tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

6. Công an tỉnh có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị, xuất nhập cảnh, lưu trú... của các nhân, tổ chức nước ngoài đến thực hiện dự án, chương trình do tổ chức PCPNN viện trợ trên địa bàn tỉnh định kỳ 6 (trước ngày 01/7 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 05/01 của năm tiếp sau) gửi về UBND tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

7. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động của các tổ chức PCPNN định kỳ 6 tháng (chậm nhất 15/7 hàng năm) và báo cáo năm (chậm nhất 15/01 của năm tiếp sau) hoặc khi có yêu cầu gửi Ủy ban Công tác về tổ chức PCPNN.

8. Báo cáo kết thúc chương trình, dự án: Chậm nhất 04 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN phải gửi báo cáo theo mẫu báo cáo kết thúc chương trình, dự án theo Phụ lục 6c về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

9. Các biểu mẫu báo cáo được nêu tại Khoản 1, 2, 3, 4, 8 của Điều này được thực hiện theo mẫu tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/03/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

Điều 29. Khen thưởng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc vận động, tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ PCPNN được khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành về thi đua và khen thưởng.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Các Tổ chức PCPNN có hoạt động không phù hợp với Giấy đăng ký đã được cấp hoặc vi phạm các nội dung quy định tại Quy định này, tùy tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị cảnh cáo hoặc kiến nghị Ủy ban công tác tổ chức PCPNN đình chỉ một phần hoặc thu hồi Giấy đăng ký. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của tổ chức PCPNN và nhân viên của tổ chức PCPNN tại Việt Nam sẽ bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

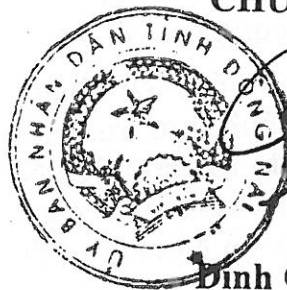
2. Mọi hành vi vi phạm trong việc quan hệ, vận động, đàm phán, phê duyệt, ký kết, tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản viện trợ PCPNN tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo: Sở Ngoại vụ ghi nhận các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo, thông báo đến Sở Nội vụ để thực hiện đánh giá công vụ đối với đơn vị theo quy định.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị và các chủ khoản viện trợ gửi ý kiến bằng văn bản tới Sở Ngoại vụ tổng hợp, đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái